

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;

2. Ông Nguyễn Minh T1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 20120, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đoàn Minh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ N, Khu phố S, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A: Địa chỉ: xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2020, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Đoàn Minh T1 chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T vào ngày 19/02/2013. Hôn nhân giữa bà và ông T1 là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng bà sống hạnh phúc và cả hai cùng chăm lo kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống ông T1 bị bắt và bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một kết án với mức án 15 năm tù. Do đó,

bà và ông T1 không có nhiều thời gian vun đắp tình cảm gia đình. Qua các lần thăm nuôi tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T1 phai nhạt, không còn tình cảm. Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đoàn Minh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/3/2013. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020 bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc T chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2013 phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông đã chấp hành án tại trại giam A. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/3/2013. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông đồng ý để cho bà T nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Đoàn Minh T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tổ tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Đoàn Minh T1 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Đoàn Minh T1: Bà T, ông T1 sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T vào ngày 19/02/2013, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà T và ông T1 đều có nguyện vọng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T1 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia Hân, sinh ngày 26/3/2013. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, ông T1 đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T đối với ông Nguyễn Đoàn Minh T1.

[3] Xét Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm, bà Nguyễn Ngọc T phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 57, 58, 69, 70, 71, 72, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T1 về việc “ly hôn” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Đoàn Minh T1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 26/3/2013

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0041449 ngày 14/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND Phường P. Tp. T. T. Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Hương

